Bài 1: Nối nghĩa và hoàn thành các ô trống sau:

Kun:

On:

Nhật



K

O

Nguyệt



K: め

O



K

O

Kim



K: まる

O



K

O

Hỏa



LIVEWORKSHEETS

Bài 2: Hoàn thành bảng sau:

Số	Đếm cái (vật nhỏ)	Tháng （月）
一	____	____
三	____	____
四	____	____
六	____	ろく_____
八	____	____
九	____	____
十	____	____
十二	じゅうに	____

LIVEWORKSHEETS